

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH TRỊ  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2021/DS-ST

Ngày: 15-6-2021

“V/v Tranh chấp hội”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Nghiệp.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Võ Tấn Nga.

Ông Nguyễn Tấn Út.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lâm Huệ Chi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Ông Dương Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 111/2020/TLST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2020 về “Tranh chấp hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2021/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Lý Thị L, sinh năm 1958 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Tân L, xã Thanh T, huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

*Bị đơn:*

1. Bà Nguyễn Thị Phượng A, sinh năm 1968 (vắng mặt).

2. Ông Trịnh Văn Út N (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã Thanh T, huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại phiên tòa nguyên đơn bà Lý Thị L trình bày:*

Bà có làm chủ hội, vào năm 2018 vợ chồng bị đơn bà Nguyễn Thị Phượng A và ông Trịnh Văn Út N có tham gia chơi, đây hội 3.000.000 đồng, khai ngày 15/01/2018 âm lịch, mỗi tháng khai một lần, có 31 chân và 21 người tham gia, vợ chồng bà A, ông N tham gia 01 chân. Ở lần khai đầu tiên ngày 15/01/2018 âm lịch vợ chồng bà A, ông N hốt được số tiền 60.000.000 đồng trừ đầu thảo 2.000.000 đồng, thực lãnh 58.000.000 đồng, sau khi hốt thì đóng hội chết được 14 lần, còn nợ

lại 17 lần hui chết chưa đóng với số tiền 51.000.000 đồng. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà A, ông N có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ chưa đóng của 17 lần hui chết số tiền 51.000.000 đồng.

*Tại buổi hòa giải ngày 19/5/2021 và quá trình tham gia vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị Phụng A trình bày:*

Bà thống nhất đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng. Bà với ông Trịnh Văn Út N là vợ chồng. Trước đây bà có tham gia chơi nhiều dây hui do bà Lý Thị L làm đầu thảo, trong số các dây hui đã tham gia có dây hui mức 3.000.000 đồng, khai ngày 15/01/2018 âm lịch, có 31 chân, bà tham gia 01 chân, mỗi tháng khai một lần, bà là người hốt hui đầu tiên vào ngày 15/01/2018 âm lịch số tiền 60.000.000 đồng trừ đầu thảo 2.000.000 đồng, thực lãnh 58.000.000 đồng, có làm biên nhận cho bà L, tiền tham gia chơi hui lĩnh được chủ yếu mua đất, cất nhà, trừ tiền hui cũ, hiện nhà đất ông N đang quản lý sử dụng, mục đích cũng xoay sở cuộc sống gia đình. Sau khi hốt hui bà đóng được 14 lần, còn nợ lại 17 lần hui chết với số tiền 51.000.000 đồng như bà L trình bày là đúng sự thật. Tại buổi hòa giải tại Tòa án bà đồng ý trả cho bà L số tiền hui như bà Luôn yêu cầu 51.000.000 đồng, nhưng xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi dứt nợ.

*Tại đơn khiếu nại ngày 18/7/2020 bị đơn ông Trịnh Văn Út N có lời trình bày:*

Ông là chồng bà Nguyễn Thị Phụng A, hiện không liên lạc được với vợ, giữa ông với vợ có mâu thuẫn, tranh cãi về hôn nhân. Ông không có hợp đồng hui với bà L nên không rõ về hợp đồng hui, chỉ có bà Phụng A tham gia, nên không có tài liệu, chứng cứ gì để giao nộp cho Tòa án, bà Phụng A cũng chưa ủy quyền cho ông để ông tham gia xét xử, hòa giải hay thương lượng, chỉ có người hợp đồng hui mới rõ sự thật, mong Tòa án thông báo cho bà L chờ vợ ông về thương lượng, khi không được thì khởi kiện. Riêng ông không nắm rõ sự việc.

*Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:*

Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền hui của của dây hui nêu trên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, quan hệ tranh chấp giữa các đương sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại xã Thanh T, huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng. Bà A và ông N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, căn

cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với bà A, ông N.

[2] Xét về nội dung vụ án thì thấy:

[2.1] Xét đối với đây hội 3.000.000 đồng, khai ngày 15/01/2018 âm lịch, nguyên đơn bà L yêu cầu bị đơn bà A, ông N trả số tiền hội chết còn nợ chưa đóng 17 lần x 3.000.000 đồng = 51.000.000 đồng, bị đơn bà A thừa nhận nợ và đồng ý trả số tiền nêu trên nhưng xin trả dần. Căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự là thuộc tình tiết sự kiện không phải chứng minh, do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, buộc bị đơn bà A trả cho bà L số tiền còn nợ 51.000.000 đồng.

[2.2] Xét yêu cầu bị đơn ông N cùng trả nợ, ông N trình bày việc chơi hội là vợ ông bà A đứng ra chơi, ông không hay biết. Tuy nhiên, cả bà L, bà A đều trình bày ông N có biết việc chơi hội và có đóng hội cho bà L. Mặt khác, bà A trình bày tiền tham gia chơi hội, lĩnh được chủ yếu mua đất, cất nhà, trừ tiền hội cũ, hiện nhà đất ông N đang quản lý sử dụng, mục đích cũng xoay sở cuộc sống gia đình. Giữa bà A với ông N có quan hệ là vợ chồng, việc bà A chơi hội có thu nhập phục vụ cho sinh hoạt của gia đình, nên khoản nợ trên được xem là khoản nợ chung của gia đình. Do đó, theo quy định tại Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình ông N phải có nghĩa cùng trả nợ với bà A.

[2.3] Về thời gian trả nợ: Bà A xin trả mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi dứt nợ. Bà L không đồng ý cho trả dần mà yêu cầu trả trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày xét xử, nếu không trả thì yêu cầu tính lãi chậm trả theo pháp luật quy định. Do các bên không thỏa thuận được thời gian trả nợ. Xét yêu cầu của đương sự thuộc thẩm quyền giai đoạn thi hành án dân sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.4] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Phượng A và ông Trịnh Văn Út N trả cho nguyên đơn bà Lý Thị L tiền nợ hội 51.000.000 đồng.

[3] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí. Nguyên đơn là người cao tuổi, không phải nộp tạm ứng án phí nên không xử lý.

[4] Qua phân tích như trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát huyện Thanh Trì là có cơ sở chấp nhận.

[5] Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 227, Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471, Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 20, Điều 25 và Điều 30 Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP, ngày 27/11/2006 của Chính phủ về

họ, hội, biểu, phường; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lý Thị L về việc yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Phụng và ông Trịnh Văn Út N trả số tiền hội còn nợ.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Phụng A và ông Trịnh Văn Út N có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Lý Thị L số tiền hội còn nợ 51.000.000 đồng (năm mươi một triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Lý Thị L được miễn tạm ứng án phí nên không xử lý. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Phụng A và ông Trịnh Văn Út N có nghĩa vụ liên đới nộp án phí số tiền 2.550.000 đồng (hai triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Đối với người vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân nơi đương sự cư trú để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thành Nghiệp**